

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng NSNN)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

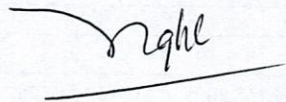
ĐV tính: đồng

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm 2021 (%)	Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	0			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.754.165.209	3.905.981.126	58,43	
*	Nguồn Ngân sách trong nước	11.754.165.209	3.905.981.126	58,43	
I	Chi quản lý hành chính	11.754.165.209	3.905.981.126	58,43	
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.181.680.885	3.397.830.758	47,31	
	Quỹ tiền lương và Kinh phí hoạt động theo định mức	7.181.680.885	3.397.830.758	47,31	
I.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.572.484.324	508.150.368	11,11	
1	Kinh phí hoạt động Pháp chế	303.400.000	29.280.000	9,65	
2	Đăng nhập phần mềm đăng ký tài sản (theo Công văn số 10809/BTC-QLCS ngày 10/8/2012 của Bộ Tài chính)	2.000.000	0	0,00	
3	Kinh phí Hội đồng thẩm định giá đất	145.064.000	40.684.000	28,05	
4	Kinh phí tổ chức thuê thực hiện xây dựng Hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	468.143.000	0	0,00	
5	Kinh phí thuê tư vấn xây dựng mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2022	92.312.000	0	0,00	
6	Kinh phí thuê tư vấn xác định giá khởi điểm bán đấu giá các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định thanh lý tài sản của CTUBND tỉnh	541.344.000	0	0,00	
7	Kinh phí thuê tư vấn đo đạc hiện trạng nhà để thực hiện các thủ tục bán đấu giá các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định thanh lý tài sản của CTUBND tỉnh	141.000.000	0	0,00	
8	Kinh phí định giá, định giá lại tài sản trong tổ tụng hình sự trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	770.800.000	45.280.000		
9	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành cá Tra năm 2021 (02 đợt)	56.000.000	10.362.000	18,50	
10	Kinh phí điều tra chi phí sản xuất và tính giá thành Lúa 02 vụ năm 2021	95.320.000	31.389.368	32,93	
11	Chi mua sắm trang phục thanh tra	13.202.000	13.154.000	99,64	
12	Công tác phí Thanh tra	59.800.000	0	0,00	
13	Kinh phí bồi dưỡng công tác tiếp dân	8.880.000	0	0,00	
14	Mua sắm máy móc, thiết bị và chi phí tổ chức mua sắm	100.000.000	0	0,00	
15	Sửa chữa tài sản và trang thiết bị	120.000.000	395.000	0,33	
16	Công tác phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất trong và ngoài tỉnh	300.000.000	44.154.000	14,72	
17	Ban biên tập công thông tin điện tử	115.760.000	41.340.000	35,71	
18	Kinh phí thực hiện hệ thống ISO	30.000.000	0	0,00	

19	Chi hoạt động Quỹ Phát triển đất	42.852.360	16.284.000	38,00	
20	Chi khen thưởng công chức cấp bộ khen	15.000.000	0	0,00	
21	Kinh phí thực hiện thi điểm chi trả cho Bưu điện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm phục vụ Hành chính công	27.000.000	0	0,00	
22	Chi khác	485.122.640	24.913.000	5,14	
23	Kinh phí đào tạo	20.000.000	780.000	3,90	
24	Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin	451.530.324	66.256.000	14,67	
25	Kinh phí bầu cử (2021-2026)	22.500.000	13.425.000	59,67	
26	Kinh phí xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	15.000.000	0	0,00	
27	Kinh phí chi trả các khoản phí, lệ phí đăng ký xe Camry 2.5G	130.454.000	130.454.000	100	

Sóc Trăng, ngày 01 tháng 7 năm 2021

Kế toán



Nguyễn Thị Tơ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC 




Trần Quốc Sở